

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23** /2021/HSST

Ngày: 06 /4 /2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Hữu Bình** và bà **Lê Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Bế Thị Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 23/3/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ Â, sinh ngày 11/5/1984, tại tỉnh Tuyên Quang.

ĐKKHKT: Tổ dân phố 5, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở: Tổ dân phố 9, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959; chồng: Bùi Đức M, sinh năm 1983; con: có 02, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013.

Thời điểm phạm tội Nguyễn Thị Â là cán bộ Hạt kiểm lâm thành phố Tuyên Quang, bị kỷ luật buộc thôi việc từ ngày 20/5/2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 04/7/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (theo Bản án số 13/2019/HS-ST); bị cáo Â kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của Â, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm (theo bản án số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020).

- Ngày 14/8/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình phạt của Bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo Â phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 26 năm 06 tháng tù.

** Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/11/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.*

Có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

- Bà Nguyễn Thị Long A, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 19, phường A, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ đầu năm 2020 đến ngày 30/6/2020, Nguyễn Thị Á, khi đó là cán bộ Hạt K thành phố T (bị kỷ luật thôi việc từ ngày 20/5/2020, đang trong thời gian kháng cáo chờ xét xử phúc thẩm, đồng thời là bị can trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang thụ lý điều tra) vì cần tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân nên Á nói dối mọi người là bản thân có mối quan hệ quen biết với cán bộ phòng Tài nguyên môi trường thành phố Tuyên Quang nên có khả năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ), mục đích nhằm để chiếm đoạt tiền. Do tin tưởng Á nên bà Nguyễn Thị Long A, trú tại tổ dân phố 19, phường A, thành phố T và ông Trương Văn H, trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T đã đưa tiền, hồ sơ đất cho Á để xin cấp giấy CNQSDĐ, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 01 năm 2020, bà A nhờ Á làm thủ tục xin cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất tại tổ dân phố 18, phường A, thành phố T, Á đồng ý và thỏa thuận chi phí để được cấp giấy CNQSDĐ là 10.000.000 đồng, hẹn trong vòng 02 tháng sẽ được cấp giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên sau này, để chiếm đoạt thêm tiền, Á nói dối bà A là phải nộp tiền trước bạ, tiền đo đạc đất, tiền chi phí... nên Á đã chiếm đoạt của bà A tổng số tiền 23.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 17/02/2020 bà A chuyển qua tài khoản ngân hàng Agribank cho Á 5.000.000 đồng; ngày 18/02/2020 chuyển khoản cho Á 2.000.000 đồng; ngày 25/02/2020 chuyển khoản cho Á 2.000.000 đồng; ngày 04/3/2020 chuyển khoản cho Á 1.000.000 đồng; ngày 09/3/2020 chuyển khoản cho Á 1.000.000 đồng; ngày 18/3/2020 chuyển cho Á 2.000.000 đồng; ngày 26/3/2020 chuyển cho Á 2.000.000 đồng; ngày 22/5/2020 chuyển cho Á 3.000.000 đồng; ngày 20/3/2020 bà A nhờ ông Trương Văn H đưa cho Á số tiền 5.000.000 đồng và nhờ ông Phạm Vũ T, trú tại tổ dân phố 1, phường M, thành phố T đưa cho Á bộ hồ sơ (gồm đơn đề nghị và giấy chuyển nhượng đất) để làm thủ tục xin cấp giấy CNQSDĐ. Á viết giấy nhận tiền đề ngày 20/3/2020 đưa cho bà A với nội dung “*đã nhận số tiền 15.000.000 đồng của chị A, đến ngày 29/4/2020, chị A sẽ nhận được GCNQSDĐ*”. Toàn bộ số tiền 23.000.000 đồng trên, Á chi tiêu cá nhân hết.

Lần 2: Sau khi quen biết Á, ông Trương Văn H nhờ Á xin cấp giấy CNQSDĐ cho những người thân trong gia đình, Á đồng ý, thỏa thuận chi phí mỗi hồ sơ được

cấp giấy CNQSDĐ là 20.000.000 đồng, hẹn sau 03 tháng sẽ được cấp giấy chứng nhận. Ông H nhiều lần đưa tiền, hồ sơ đất để nhờ Á xin cấp giấy CNQSDĐ cho nhiều người. Cụ thể:

- Khoảng đầu tháng 4/2020, ông H nhờ Á xin cấp giấy CNQSDĐ cho em cậu là ông Lại Bá T, trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T, Á đồng ý, thỏa thuận đưa cho Á 20.000.000 đồng, hẹn sau 03 tháng sẽ làm giấy CNQSDĐ cho ông T. Ngày 23/4/2020, tại thôn G, xã K, thành phố T, ông H đưa cho Á 10.000.000 đồng kèm theo 01 bộ hồ sơ đất của ông Lại Bá T. Ngày 11/5/2020, tại khu vực Nhà văn hóa trung tâm thành phố T, ông H đưa cho Á 10.000.000 đồng. Để chiếm đoạt thêm tiền, Á nói dối muốn làm nhanh giấy trong vòng 02 tháng thì đưa thêm tiền, ngày 26/5/2020, tại tổ dân phố 19, phường A, ông H đưa cho Á 2.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền 22.500.000 đồng trên, Á chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 04/5/2020, tại khu vực Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, thuộc tổ dân phố 19, phường A, ông H đưa cho Á 30.000.000 đồng kèm 01 bộ hồ sơ đất đai của bà Phùng Thị C, trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T (là anh em họ hàng của ông H); ngày 26/5/2020, cũng tại địa điểm trên, ông H đưa cho Á số tiền 3.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 33.000.000 đồng trên, Á chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 26/6/2020, tại khu vực Nhà văn hóa trung tâm thành phố T, thuộc tổ dân phố 19, phường A, ông H đưa cho Á số tiền 30.000.000 đồng kèm 02 bộ hồ sơ đất của bà Đào Thị T và ông Nguyễn Văn D, cùng trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T (là hàng xóm của ông H) để cấp giấy CNQSDĐ cho bà T và chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông D. Ngày 30/6/2020, tại khu vực tổ dân phố 19, phường An T, ông H đưa thêm cho Á 14.000.000 đồng để xin cấp chuyển đổi quyền sở hữu đất từ ông Đặng Văn T sang cho bà Đào Thị T. Toàn bộ số tiền 44.000.000 đồng trên, Á chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 30/6/2020, tại khu vực Đền Hạ thuộc tổ dân phố 11, phường T, thành phố T, ông H đưa cho Á số tiền 35.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của bà Đào Thị T từ đất rừng sản xuất sang đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm. Toàn bộ số tiền 35.000.000 đồng trên, Á chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền 134.500.000 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng*) ông H đưa cho Á để cấp giấy CNQSDĐ cho ông Lại Bá T, ông Đặng Văn T, bà Phùng Thị C và chuyển đổi mục đích sử dụng đất của bà Đào Thị T, ông Nguyễn Văn D là tiền của ông H ứng trước, khi có giấy CNQSDĐ thì những người này có trách nhiệm trả cho ông H. Những lần nhận tiền từ ông H, Á đều viết giấy biên nhận đưa cho ông H giữ.

Tại Kết luận giám định số 727 ngày 04/10/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ số, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Á trên các mẫu cần giám định, trừ chữ viết “người nộp tiền”, “người giao tiền”, “người giao hồ sơ + tiền” và chữ viết, chữ ký ghi tên Trương Văn H, với chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Á trên mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 856 ngày 23/11/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận chữ viết, chữ số, chữ ký trên mẫu cần giám định với chữ số, chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Á trên mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký.

Vật chứng: Quá trình điều tra xác định Á nhận tiền, hồ sơ từ ông H, bà A nhưng hồ sơ không nộp, bị thất lạc cũng như toàn bộ số tiền đã nhận, Á chi tiêu hết nên không thu giữ được.

Dân sự: Ông Trương Văn H yêu cầu Á trả lại số tiền 134.500.000 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng*); bà A yêu cầu Á trả lại số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*). Hiện Nguyễn Thị Á chưa bồi thường.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSTP ngày 08 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Á về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Á phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Á từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự do hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản và thu nhập ổn định.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hình phạt 26 năm 06 tháng tù tại bản án số 15/2020/HS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (đã tổng hợp hình phạt hình phạt 14 năm tù tại bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội) đối với bị cáo Nguyễn Thị Á.

Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều luật tương ứng của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thị Á phải trả cho người bị hại Nguyễn Thị Long A số tiền đã chiếm đoạt là 23.000.000 đồng; trả cho người bị hại Trương Văn H số tiền 134.500.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo Nguyễn Thị Á nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi những người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Á tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Đơn trình báo và lời khai của các bị hại; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai nhận tội của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 17/02/2020 đến ngày 30/6/2020, trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, Nguyễn Thị Á (nơi ĐK HKTT: Tổ dân phố 15, phường A, thành phố T; nơi ở: Tổ dân phố 19, phường A, thành phố T) đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới hình thức xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cụ thể:

- Từ ngày 17/02/2020 đến ngày 20/3/2020, Á lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Long A, trú tại tổ dân phố 19, phường A, thành phố T tổng số tiền là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*);

- Từ 23/4/2020 đến 30/6/2020, Á lừa đảo chiếm đoạt của ông Trương Văn H, trú tại tổ dân phố 1, phường A, thành phố T tổng số tiền là 134.500.000 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng*)

Tổng số tiền Nguyễn Thị Á chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Long A và ông Trương Văn H là 157.500.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Nguyễn Thị Á là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi gian dối, lợi dụng sự cả tin và thiếu hiểu

biết của bà Nguyễn Thị Long A và ông Trương Văn H để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lừa dối ý trực tiếp, mục đích vụ lợi, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Á thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức án: Thời điểm phạm tội bị cáo Nguyễn Thị Á đang là cán bộ; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 04/7/2019, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm xử phạt 14 năm tù và ngày 14/8/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 năm 06 tháng tù đều về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Việc phạm tội cùng tính chất lần này của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Thị Long A giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền là 23.000.000 đồng; người bị hại Trương Văn H giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 134.500.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị cáo Nguyễn Thị Á nhất trí hoàn trả tiền theo đúng yêu cầu của bà A và ông H.

Xét thấy sự thỏa thuận nhất trí hoàn trả tiền giữa bị cáo, bị hại là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[8] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Á** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Á **04** (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 25/11/2020.

Tổng hợp với tổng hình phạt **26** (Hai mươi sáu) năm **06** (Sáu) tháng tù tại bản án số 15/2020/HS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (đã tổng hợp hình phạt 14 năm tù tại bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội), buộc bị cáo Nguyễn Thị Á phải chấp hành hình phạt chung là **30** (Ba mươi) năm tù.

Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Á phải: Trả cho người bị hại Nguyễn Thị Long A số tiền 23.000.000 đồng; trả cho người bị hại Trương Văn H số tiền 134.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Á phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 7.875.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Á, những người bị hại Nguyễn Thị Long A và Trương Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Hữu Bình - Lê Thị Thảo

Đào Thị Thu Thủy

